TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 76/2019/ HNGĐ-ST
Ngày: 19/8/2019
V/v: " Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

* Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Bùi Chí Linh.**

* Các vị hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Quốc Tiến

2/ Bà Chung Kim Sang

* Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Kim Ưng** - Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên tòa: **Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.**

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 410/2018/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn***: Ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Mỹ Thiện 1, xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

**** Bị đơn***: Bà **Thẩm Thị Mỹ H**, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 87 đường Nguyễn Cư Trinh, khu phố Nguyễn Bỉnh Khiêm, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày:** Trước đây ông H và bà H tự tìm hiểu nhau, sau đó tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 2000, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Lý do xin ly hôn: Ông H trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm do tính tình đôi bên không hợp nhau mà nguyên nhân là do bà H không chăm lo cho gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, có một vài lần ông H do tức giận nên có đánh bà H. Ông H đã khuyên nhũ

nhiều lần nhưng không có kết quả nên vợ chồng đã tự ly thân từ tháng 09/2018 nay. Thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Nguyễn Thanh H yêu cầu được ly hôn với bà Thẩm Thị Mỹ H.

Về con chung: Ông H xác nhận vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Nguyễn Trọng Phúc, sinh ngày 15/12/2003, hiện nay sống với ông H và Nguyễn Trọng Nhân, sinh ngày 28/12/2005, hiện nay sống với bà H. Ông H yêu cầu nuôi hai đứa con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn bà Thẩm Thị Mỹ H trình bày tại biên bản hòa giải ngày 03/4/2019:** Trước đây ông H và bà H tự tìm hiểu nhau, sau đó tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 2000, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Bà H xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do ông H không chung thủy với vợ nên bà H ghen tuông, đôi bên hay cãi nhau, có lần do tức giận ông H có đánh bà H. Sau đó hàn gắn lại thì ông H nợ nần nên bỏ lên An Giang làm ăn đến nay, thỉnh thoảng có về thăm vợ con, từ ngày nộp đơn ông H không về nhà và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Bà H xác nhận vẫn còn tình cảm với ông H nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông H.

Về con chung: Bà H xác nhận vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Nguyễn Trọng Phúc, sinh ngày 15/12/2003, hiện nay sống với ông bà nội và Nguyễn Trọng Nhân, sinh ngày 28/12/2005, hiện nay sống với bà H. Trường hợp ông H cương quyết xin ly hôn về con chung bà H yêu cầu nuôi hai người con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà kiên quyết xin được ly hôn với bà H và xin được nuôi 01 con chung tên Nguyễn Trọng Phúc, không yêu cầu cấp dưỡng, thống nhất giao con chung tên Nguyễn Trọng Nhân cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng mong Hội đồng xét xử chấp thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

+ Về thẩm quyền: Việc ông Nguyễn Thanh H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bà Thẩm Thị Mỹ H là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang theo qui định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho các đương sự các văn bản tố tụng tuy nhiên bị đơn bà Thẩm Thị Mỹ H vẫn vắng mặt lần 2. Do đó, căn cứ vào khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng đương sự trên. Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của đương sự tại phiên tòa để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những nội dung liên quan đến vụ án:

[2] Ông Nguyễn Thanh H do tự tìm hiểu nhau và sống chung như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 2001, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông H khởi kiện cho rằng quá trình chung sống giữa vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bà H nghi ngờ ông H có người phụ nữ khác bên ngoài nên nhiều lần bà H ghen tuông, có lần ông H còn đánh bà H. Do đó, tình cảm ngày xa cách, hai bên đã tự hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả nên vợ chồng đã tự ly thân từ tháng 9/2018 cho đến nay. Nay ông H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2000 thì "Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng". Do đó, ông H và bà Sen mặc dù đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, nhưng ông, bà không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên đây là hôn nhân không hợp pháp. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thống nhất không công nhận ông H và bà H là vợ chồng.

[4] Về con chung: Ông Nguyễn Thanh H yêu cầu được nuôi 01 người con chung tên Nguyễn Trọng Phúc, sinh ngày 15/12/2003 không yêu cầu cấp dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng con, do đó yêu cầu trên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với con chung tên Nguyễn Trọng Nhân đang sống chung với bà H và bà H cũng có yêu cầu được nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trọng Nhân.

[5] Về tài sản chung: Ông H và bà H xác nhận trong quá trình chung sống ông, bà không tạo lập được tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về nợ chung: Ông H và bà H xác nhận không thiếu nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình: Buộc ông Nguyễn Thanh H phải nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông H đã nộp theo biên lai thu số 0000319 ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Rạch Giá là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016)

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự

- Áp dụng: Điều 11, Điều 91, 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016) của UB thường vụ Quốc Hội.

Xử :

- Không công nhận ông Nguyễn Thanh H với bà Thẩm Thị Mỹ H là vợ chồng.

- Về con chung: giao con chung tên Nguyễn Trọng Phúc, sinh ngày 15/12/2003 cho ông Nguyễn Thanh H tiếp tục nuôi dưỡng. Giao con chung tên Nguyễn Trọng Nhân, sinh ngày 28/12/2005 cho bà Thẩm Thị Mỹ H tiếp tục nuôi dưỡng. Ông H và bà H không ai yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Nguyễn Thanh H và bà Thẩm Thị Mỹ H được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

- Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

*** Về án phí HNGĐ:** Buộc ông Nguyễn Thanh H phải nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông H đã nộp theo biên lai thu số 0000319 ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Rạch Giá.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKS
- Phòng GĐKT
- Cơ quan nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu vp

BÙI CHÍ LINH